



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TP.HCM

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/4/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11/5/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 09/8/2013, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; gia công chế biến đất, đá, cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh du lịch nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

Mã chứng khoán niêm yết: CTI

Trụ sở chính: số 168 khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà TRƯƠNG HỒNG LOAN

Người đại diện theo pháp luật đến hết ngày 08/8/2013

Chủ tịch HĐQT đến ngày 27/2/2013

Ông TRẦN NHƯ HOÀNG

Chủ tịch hội đồng quản trị - kể từ ngày 27/2/2013

Ông NGUYỄN XUÂN QUANG

Thành viên - đại diện theo pháp luật kể từ ngày 09/8/2013

Ông NGUYỄN VĂN KHANG

Thành viên

Ông NGUYỄN SỸ PHONG

Thành viên

Ông PHẠM THÊ TÔ

Thành viên

Ông NGUYỄN VĂN THUY

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông ĐOÀN NGỌC MINH

Trưởng ban

Ông VŨ TIẾN DŨNG

Thành viên

Bà LÊ THỊ HẢI YẾN

Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông TRẦN NHƯ HOÀNG	Tổng Giám Đốc - đến ngày 27/2/2013
Ông NGUYỄN XUÂN QUANG	Tổng Giám Đốc - kể từ ngày 27/2/2013
Bà TRƯƠNG HỒNG LOAN	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN SỸ PHONG	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN KHANG	Phó Tổng Giám đốc
Ông ĐOÍ HÙNG CƯỜNG	Phó Tổng Giám đốc
Ông PHẠM THANH QUẢNG	Phó Tổng Giám đốc
Ông LÊ VĂN TRƯỜNG	Giám đốc tài chính - kể từ ngày 23/7/2013
Ông LÊ VĂN VINH	Kế toán trưởng - đến ngày 10/02/2014
Bà NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Kế toán trưởng - kể từ ngày 12/02/2014

4. Các thông tin khác

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã chính thức thay đổi và bổ nhiệm kế toán trưởng mới theo quyết định bổ nhiệm số 07/QĐ-CTC ngày 12 tháng 02 năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm chính thức giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 12/02/2014 thay cho ông Lê Văn Vinh và là người được Công ty ủy quyền làm "Người công bố thông tin" của Công ty kể từ ngày 28/02/2014.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRẦN NHƯ HOÀNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 11.13.676/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO, được lập ngày 25/02/2014, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH
Số GCNĐKHNKT: 0321-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2014



ĐIỂM NGỌC TỬ
Số GCNĐKHNKT: 0213-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cau Giay Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5D, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bang Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscn@dn.vnn.vn

Email: aiscn@ct.vnn.vn

Email: aiscn@hp.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) ✓	100		501.830.246.343	420.150.163.159
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	150.820.057.540	15.244.443.279
1. Tiền	111		150.820.057.540	15.244.443.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.633.021.233	201.434.636.743
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	106.507.404.470	99.468.620.844
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	43.621.685.097	70.389.895.388
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	42.664.312.269	34.826.772.960
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(8.160.380.603)	(3.250.652.449)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	162.266.233.056	199.314.476.520
1. Hàng tồn kho	141		162.266.233.056	199.314.476.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.110.934.514	4.156.606.617
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	4.110.934.514	4.156.606.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		349.192.247.920	282.298.281.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		132.955.149.339	159.462.783.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	101.599.955.156	110.396.392.608
- Nguyên giá	222		240.127.658.622	225.556.879.217
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.527.703.466)	(115.160.486.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	23.535.857.275	31.221.245.129
- Nguyên giá	228		84.908.838.182	83.670.838.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.372.980.907)	(52.449.593.053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	7.819.336.908	17.845.145.546
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	143.191.805.000	98.731.802.358
1. Đầu tư vào công ty con	251		136.137.000.000	92.035.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.654.805.000	4.654.805.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.400.000.000	2.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(358.002.642)
V. Tài sản dài hạn khác	260		73.045.293.581	24.103.696.090
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	73.045.293.581	24.103.696.090
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		851.022.494.263	702.448.444.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		656.549.201.610	530.463.327.686
I. Nợ ngắn hạn	310		485.035.329.582	481.813.431.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	154.224.922.497	195.950.763.660
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	102.452.339.819	49.919.833.894
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	103.383.635.763	189.527.110.451
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	30.603.844.381	17.922.668.568
5. Phải trả người lao động	315		5.620.101.960	5.481.314.872
6. Chi phí phải trả	316	V.17	82.869.047.737	13.025.804.088
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.701.885.339	12.098.911.884
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2.820.447.914)	(2.112.976.324)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		171.513.872.028	48.649.896.593
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	120.000.000.000	15.848.972.474
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	51.513.872.028	32.800.924.119
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		194.473.292.653	171.985.117.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	194.473.292.653	171.985.117.205
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.431.670.000	2.431.670.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.247.989.856	4.247.989.856
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.436.499.730	8.436.499.730
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.346.012.640	6.857.837.192
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11.120.427	11.120.427
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		851.022.494.263	702.448.444.890

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		243.58	-
EUR		305.75	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng lập ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	612.621.788.307	330.614.752.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	27.984.400	262.210.735
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.24	612.593.803.907	330.352.541.534
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	526.236.127.836	266.197.203.516
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		86.357.676.071	64.155.338.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.184.798.157	971.564.964
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	25.510.874.456	25.169.017.542
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.291.768.209	22.329.918.875
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	3.352.655.338	6.455.788.352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	29.516.991.376	26.385.036.582
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		29.161.953.058	7.117.060.506
11. Thu nhập khác	31	VI.30	4.132.593.992	4.960.513.609
12. Chi phí khác	32	VI.31	4.126.487.379	2.563.382.197
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.106.613	2.397.131.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.168.059.671	9.514.191.918
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.32	6.431.313.417	2.412.168.889
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.736.746.254	7.102.023.029
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.168.059.671	9.514.191.918
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		34.598.437.933	34.031.431.435
- Các khoản dự phòng	03		4.551.725.512	2.445.374.429
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		272.269.949	238.228.319
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.969.232.225	180.117.377
- Chi phí lãi vay	06		23.291.768.209	22.329.918.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.851.493.499	68.739.262.353
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		13.337.559.459	13.266.069.129
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		37.048.243.464	(69.168.783.942)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		150.918.551.228	76.077.629.396
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(29.634.826.956)	(22.552.880.438)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24.362.964.891)	(35.445.893.957)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.200.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	65.300.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.452.418.181)	(1.300.480.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		234.505.637.622	29.680.221.580
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(33.202.453.952)	(28.553.482.167)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.627.272.727	8.336.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(44.102.000.000)	(29.839.726.027)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		473.321.067	134.243.565
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(75.203.860.158)	(49.922.146.447)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		373.289.126.634	371.746.526.875
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(396.574.289.837)	(330.820.263.144)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(441.000.000)	(14.886.026.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.726.163.203)	26.040.237.255
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		135.575.614.261	5.798.312.388
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.244.443.279	9.446.130.891
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		150.820.057.540	15.244.443.279

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/4/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11/5/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 09/8/2013, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tên tiếng anh: CUONG THUAN IDICO DEVELOPMENT INVESTMENT CORPORATION

Tên viết tắt: CTC

Trụ sở chính: số 168 khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn: vốn cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; gia công chế biến đất, đá, cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Tình hình thi công xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển năm nay tăng mạnh, chủ yếu là chi phí cho dự án đầu tư xây dựng tuyến quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo phương thức BOT. Do đây là công trình trọng điểm trong khu vực nên Công ty tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành của dự án.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 425 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 436 nhân viên)**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)*Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí tinh lộ 16*

Giá trị quyền thu phí tinh lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tinh lộ 16.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Quyền thu phí tinh lộ 16	8 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	Thời hạn tối đa 20 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:** khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.**Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16, chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Chi phí dự án khai thác đá được phân bổ theo thời gian khai thác mỏ đá. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả liên quan đến các công trình xây dựng đã hoàn thành ghi nhận doanh thu nhưng chưa tích lũy đủ giá vốn, các chi phí phải trả khác.

Chi phí duy tu hàng năm của trạm thu phí không quá 0,55%/ giá trị xây lắp trạm. Chi phí trùng tu của trạm thu phí là 5,1%/giá trị xây lắp trạm (5 năm thực hiện trùng tu một lần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thu nhập chịu thuế của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO chịu các mức thuế suất khác nhau:

Thu nhập từ hoạt động sản xuất công, gói công, bê tông nhựa nóng các loại mức thuế suất là 25%.

Thu nhập từ hoạt động xây lắp và dịch vụ khác mức thuế suất là 25%.

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ báo cáo.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng TM CP Sài Gòn công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.080 VND/USD, 28.992 VND/EUR.

Trong kỳ, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***17. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và nợ phải trả tài chính khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan đến bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Một lĩnh vực kinh doanh không bao gồm các sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Có những điểm không tương đồng với một hoặc vài nhân tố trong định nghĩa bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nhưng các sản phẩm, dịch vụ trong một lĩnh vực kinh doanh phải tương đồng phần lớn nhân tố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền	150.820.057.540	15.244.443.279
Tiền mặt	131.128.494.030	25.206.453
Tiền gửi ngân hàng	15.329.051.510	15.219.236.826
Tiền đang chuyển	4.362.512.000	-
Cộng	150.820.057.540	15.244.443.279

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
Khách hàng trong nước	106.507.404.470	99.468.620.844
Cty CP KT & KD VLXD IDICO Đồng Nai	5.225.806.300	-
Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam	10.361.836.023	-
CTy CP Công trình Giao thông Đồng Nai	6.532.128.853	17.493.684.964
CTy MTV PTĐT & KCN IDICO	8.084.097.849	31.738.466.309
Cty CP ĐT Đồng Thuận	35.495.950.516	3.075.172.150
Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu	19.503.006.224	7.686.974.119
Phải thu khách hàng trong nước khác	21.304.578.705	39.474.323.302
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	106.507.404.470	99.468.620.844

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Nhà cung cấp trong nước	43.621.685.097	70.389.895.388
Cty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trần Minh	3.065.392.002	-
Hợp tác xã An Phát	2.345.117.000	-
Trả trước tiền mua đất cho Nguyễn Xuân Hòa	14.150.793.579	14.150.793.579
Trả trước tiền mua đất cho Nguyễn Khánh Vinh	15.000.000.000	15.000.000.000
Trả trước nhà cung cấp trong nước khác	9.060.382.516	41.239.101.809
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	43.621.685.097	70.389.895.388

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu tạm chi thù lao Ban kiểm soát	878.043.907	805.504.598
Phải thu Công ty CP Khai thác & KD VLXD Idico Đồng Nai	34.506.153.293	31.241.153.293
Phải thu Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	5.007.846.575	-
Phải thu khác	2.272.268.494	2.780.115.069
Cộng	42.664.312.269	34.826.772.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số dư đầu năm

Số dự phòng trong năm

Hoàn nhập

Số dư cuối năm

Năm 2013

Năm 2012

3.250.652.449

1.163.280.662

4.909.728.154

2.087.371.787

8.160.380.603

3.250.652.449

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Thành phẩm

Hàng hoá

31/12/2013

01/01/2013

11.268.872.321

13.256.927.024

1.106.775.410

913.956.095

132.426.222.118

156.429.776.706

17.010.407.217

28.138.257.512

453.955.990

575.559.183

Cộng giá gốc hàng tồn kho

162.266.233.056

199.314.476.520

(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

-

-

Cộng giá trị thuần hàng tồn kho

162.266.233.056

199.314.476.520

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố
đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc
hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.**7. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cộng

31/12/2013

01/01/2013

3.908.934.514

4.118.946.617

202.000.000

37.660.000

4.110.934.514

4.156.606.617

8. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 23)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.514.740.661	116.462.305.833	51.208.602.626	4.113.658.849	44.257.571.248	225.556.879.217
Mua trong năm	-	16.914.040.909	4.090.588.836	164.742.500	-	21.169.372.245
Thanh lý, nhượng bán	-	(340.909.091)	(4.112.418.182)	-	-	(4.453.327.273)
Giảm theo Thông tư 45	-	(581.673.181)	(39.272.727)	(286.319.659)	-	(907.265.567)
Giảm khác	-	-	-	(1.238.000.000)	-	(1.238.000.000)
Số dư cuối năm	9.514.740.661	132.453.764.470	51.147.500.553	2.754.081.690	44.257.571.248	240.127.658.622
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.825.906.142	71.429.189.411	19.998.741.806	830.743.703	19.075.905.547	115.160.486.609
Khấu hao trong năm	691.342.752	13.701.606.350	6.467.744.523	510.859.566	4.471.142.719	25.842.695.910
Thanh lý, nhượng bán	-	(146.780.288)	(1.443.325.907)	-	-	(1.590.106.195)
Giảm theo Thông tư 45	-	(490.967.587)	(16.909.074)	(209.850.366)	-	(717.727.027)
Giảm khác	-	-	-	(167.645.831)	-	(167.645.831)
Số dư cuối năm	4.517.248.894	84.493.047.886	25.006.251.348	964.107.072	23.547.048.266	138.527.703.466
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	5.688.834.519	45.033.116.422	31.209.860.820	3.282.915.146	25.181.665.701	110.396.392.608
Số dư cuối năm	4.997.491.767	47.960.716.584	26.141.249.205	1.789.974.618	20.710.522.982	101.599.955.156

* Giá trị còn lại của TSCĐ cuối năm đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay (bao gồm TSCĐVH): 99.809.980.538 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.138.614.302 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền thu phí tính lộ 16	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	83.670.838.182	-	83.670.838.182
Tăng khác	-	-	1.238.000.000	1.238.000.000
Số dư cuối kỳ	-	83.670.838.182	1.238.000.000	84.908.838.182
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	52.449.593.053	-	52.449.593.053
Khấu hao trong năm	-	8.755.742.023	-	8.755.742.023
Tăng khác	-	-	167.645.831	167.645.831
Số dư cuối kỳ	-	61.205.335.076	167.645.831	61.372.980.907
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	31.221.245.129	-	31.221.245.129
Số dư cuối kỳ	-	22.465.503.106	1.070.354.169	23.535.857.275

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2013

01/01/2013

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:

+ Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	3.063.090.909	-
+ Chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8	271.029.042	16.900.166.691
+ Chi phí dự án khai thác đá Đồi Chùa	1.505.635.780	-
+ Chi phí xây dựng cảng Cogido	979.298.129	944.978.855
+ Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng (Tây Ninh)	1.322.719.800	-
+ Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng Tân Cang 8	677.563.248	-

Cộng

7.819.336.908

17.845.145.546

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con	13.613.700	136.137.000.000	9.203.500	92.035.000.000
(a) Cty CP Đầu tư Đồng Thuận	11.513.700	115.137.000.000	7.103.500	71.035.000.000
(b) Cty CP KT và KDVL XD IDICO Đồng Nai	2.100.000	21.000.000.000	2.100.000	21.000.000.000
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	455.000	4.654.805.000	455.000	4.654.805.000
(c) Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	455.000	4.654.805.000	455.000	4.654.805.000
Đầu tư dài hạn khác	240.000	2.400.000.000	240.000	2.400.000.000
(d) Cty Lắp máy điện nước IDICO	240.000	2.400.000.000	240.000	2.400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	(358.002.642)
Cộng	14.308.700	143.191.805.000	9.898.500	98.731.802.358

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty con - Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 136,05 tỷ đồng chiếm 52,73% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận là 258 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận vẫn đang trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư xây dựng theo phương thức B.O.T và các khu tái định cư, khu dân cư. Các công trình trên vẫn chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty con - Công ty CP khai thác và KD VLXD IDICO Đồng Nai:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/01/2012 của Công ty CP khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO Đồng Nai, với tổng số vốn đầu tư là 60 tỷ đồng. Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 34,1655 tỷ đồng chiếm 56,94% tổng số vốn điều lệ. Trong đó vốn góp đăng ký trực tiếp là 21 tỷ đồng, vốn góp đăng ký gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty CP ĐT Đồng Thuận là 13,1655 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP khai thác và KD VLXD IDICO Đồng Nai bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh chính thức và kết quả hoạt động kinh doanh có lãi.

(c) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/02/2013 của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 7 tỷ đồng chiếm 35% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát là 20 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát hoạt động kinh doanh có lãi.

(d) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 2,4 tỷ đồng chiếm 3% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO là 80 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO hoạt động có lãi.

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư: Tăng do Công ty góp vốn theo tiến độ đầu tư.

12. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước dài hạn	73.045.293.581	24.103.696.090
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	104.642.750	431.566.686
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.959.472.493	527.606.624
Chi phí xây tháp đồng hồ quảng cáo tại Ngã tư Hàng xanh	-	277.777.780
Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải	130.208.335	-
Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16	21.233.406.072	22.866.745.000
Chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8	48.483.307.463	-
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	134.256.468	-
Cộng	73.045.293.581	24.103.696.090

13. Vay và nợ ngắn hạn (xem trang 26)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ ngắn hạn**Vay ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
Vay Ngân hàng Công thương Nhon Trạch (e)	116.654.954.744	180.024.744.224
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (f)	99.664.596.497	108.782.136.045
Vay Ngân hàng Vietcombank (g)	-	41.243.196.559
Vay cá nhân ông Nguyễn Thanh Tuấn	14.990.358.247	29.999.411.620
	2.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	37.569.967.753	15.926.019.436
Cộng	154.224.922.497	195.950.763.660

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**(e) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhon Trạch**

Vay ngắn hạn NH Công Thương Nhon Trạch theo hợp đồng vay số 03090239/HĐTD, ngày 15/06/2013, hạn mức tín dụng 100 tỷ, hạn mức tín dụng này bao gồm dư nợ cũ của Hợp đồng tín dụng số 03120070/HĐTD ngày 24/05/2012, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa 09 tháng. Lãi suất bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 09 tháng + biên độ 4,50%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thừa số 149, 150 phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai; thửa đất số 438, 282, 758, 759, 760, 439, 440, 441 xã Phước Tân, huyện Long Thành, Đồng Nai và một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải trong phụ lục tài sản đảm bảo được đính kèm theo hợp đồng.

(f) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)

Vay ngắn hạn NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo "Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung" số VNM101991, ngày 15/12/2010. Lãi suất bằng lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng với 1,5%/năm. Tài sản thế chấp là Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu và quyền sử dụng đất.

(g) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank

Vay ngắn hạn NH Vietcombank theo hợp đồng vay số 2013056/HM1/KHDN, ngày 03/09/2013, hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân từ 8 -10 tháng. Lãi suất được qui định theo từng giấy nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí hình thành trong tương lai của dự án.

14. Phải trả người bán**Nhà cung cấp trong nước**

Cty TNHH Nhựa Đường PUMA ENERGY Việt Nam

Cty CP TM và XNK VT Giao Thông (nhựa)

Cty ĐT XD Và TM Quốc Tế ICT

CTy CP Địa chất & MT Miền Đông

Cty CP ĐT Việt Thuận Phát

Phải trả nhà cung cấp trong nước khác

Cộng

	31/12/2013	01/01/2013
Nhà cung cấp trong nước	102.452.339.819	49.919.833.894
Cty TNHH Nhựa Đường PUMA ENERGY Việt Nam	6.272.072.600	504.900.000
Cty CP TM và XNK VT Giao Thông (nhựa)	6.537.016.082	4.581.811.700
Cty ĐT XD Và TM Quốc Tế ICT	6.956.500.100	-
CTy CP Địa chất & MT Miền Đông	8.416.043.167	279.618.074
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	19.633.968.797	-
Phải trả nhà cung cấp trong nước khác	54.636.739.073	44.553.504.120
Cộng	102.452.339.819	49.919.833.894

15. Người mua trả tiền trước**Khách hàng trong nước**

Ban QLDA Giao Thông Tây Ninh

Cty CP Đầu tư Đồng Thuận

CTy CPĐT Sài Gòn VRG

Người mua trả tiền trước khác

Cộng

	31/12/2013	01/01/2013
Khách hàng trong nước	103.383.635.763	189.527.110.451
Ban QLDA Giao Thông Tây Ninh	4.764.126.000	15.321.422.000
Cty CP Đầu tư Đồng Thuận	72.066.367.728	120.402.574.833
CTy CPĐT Sài Gòn VRG	15.359.818.710	23.891.545.972
Người mua trả tiền trước khác	11.193.323.325	29.911.567.646
Cộng	103.383.635.763	189.527.110.451

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	20.814.133.339	9.593.484.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.457.791.508	7.226.478.091
Thuế thu nhập cá nhân	2.111.560.165	1.028.298.975
Các loại thuế khác	220.359.369	74.406.549
Cộng	30.603.844.381	17.922.668.568
17. Chi phí phải trả	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí lãi vay	-	210.937.538
Trích trước phí duy tu, trùng tu tình lộ 16	1.368.393.244	138.306.378
Trích trước CP đường 14	-	5.473.772.309
Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 01; 02; 03 và 04	26.494.863.026	5.362.794.648
Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 07 và 08	32.934.775.589	1.149.989.141
Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 01 - Gói điện toàn tuyến	1.879.027.386	-
Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 15 - Cầu vượt đường sắt	5.498.240.397	-
Trích trước CP khu tái định cư Bình Minh, hợp đồng số 07, gói 01	5.638.650.121	-
Trích trước CP khu tái định cư Phước Tân, hợp đồng số 03, gói 02	5.225.773.880	-
Trích trước CP đường 769	3.059.995.795	-
Chi phí phải trả khác	769.328.299	690.004.074
Cộng	82.869.047.737	13.025.804.088
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	200.593.855	136.288.740
Bảo hiểm xã hội	235.548.456	878.619.138
Bảo hiểm y tế	44.410.086	46.415.111
Bảo hiểm thất nghiệp	-	19.981.742
Các khoản phải trả, phải nộp khác (h)	8.221.332.942	11.017.607.153
Cộng	8.701.885.339	12.098.911.884
(h) Trong đó:		
+ Tiền cổ tức niên độ 2011 chưa trả	1.290.260.000	1.730.260.000
+ Mượn tiền Công ty CP ĐT Đồng Thuận	841.434	3.345.841.434
+ Nợ Công ty CP ĐT XD&TM Việt Cường Phát	-	2.326.161.842
+ Mượn tiền cá nhân khác	-	615.720.000
+ Các khoản phải trả khác	6.930.231.508	2.999.623.877
Cộng	8.221.332.942	11.017.607.153
19. Phải trả dài hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
Huy động vốn từ các chủ sở hữu để thực hiện Dự án BOT QL91	120.000.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	-	15.848.972.474
Cộng	120.000.000.000	15.848.972.474

Thuyết minh khoản huy động vốn từ các chủ sở hữu để thực hiện Dự án BOT QL91:

Trong năm 2013, Công ty thực hiện việc huy động thêm vốn từ các chủ sở hữu Công ty nhằm thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn Km14+000 - Km50+ 889 theo hình thức hợp đồng BOT được khởi công năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	51.513.872.028	32.800.924.119
Vay Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (i)	7.252.054.224	23.843.459.797
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn- PGD Củ Chi (j)	761.040.000	7.710.242.084
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội (k)	810.277.804	1.247.222.238
Vay Ngân hàng Vietcombank (l)	22.517.500.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đồng Nai	1.673.000.000	-
Vay Bà Trương Hồng Loan	18.500.000.000	-
Vay dài hạn NH TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi bao gồm tiền VND và ngoại tệ, chi tiết ngoại tệ:		
Vay ngoại tệ gốc USD	16,365.00	40,875.00
Vay ngoại tệ gốc Euro	129,722.00	129,412.00
Cộng	51.513.872.028	32.800.924.119

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng**(i) Thuyết minh các khoản nợ vay dài hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch**

Khoản vay từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 11 hợp đồng vay, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Riêng Hợp đồng số 23070703 vay để mua đất mỏ đá, nhận nợ ngày 22/06/2011 được ân hạn một năm đầu tiên, sang đến quý 2/2013 mới bắt đầu trả nợ gốc. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(j) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi của hợp đồng vay số 08/HĐTD/SCB (trong đó có 06 khoản bằng Euro và 01 khoản bằng USD). Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(k) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội, của 04 hợp đồng vay, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng SHB tại thời điểm giải ngân, được thay đổi 03 tháng/01 lần theo thông báo của NH SHB, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(l) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng Vietcombank

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Vietcombank của 3 hợp đồng vay, Lãi suất được qui định theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

Thuyết minh các khoản nợ vay cá nhân

Khoản vay Bà Trương Hồng Loan gồm có các hợp đồng vay sau:

Khoản vay cá nhân Bà Trương Hồng Loan, của hợp đồng vay ngày 23/05/2013, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất 10%/năm.

21. Vốn chủ sở hữu (xem trang 29)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	2.431.670.000	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	16.385.772.454	181.513.052.467
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	7.102.023.030	7.102.023.030
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.115.408.019)	(1.115.408.019)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(514.550.273)	(514.550.273)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	2.431.670.000	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	6.857.837.192	171.985.117.205
Số dư đầu kỳ	150.000.000.000	2.431.670.000	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	6.857.837.192	171.985.117.205
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	22.736.746.254	22.736.746.254
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(248.570.806)	(248.570.806)
Số dư cuối kỳ	150.000.000.000	2.431.670.000	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	29.346.012.640	194.473.292.653

(*) Giảm khác gồm:

+ Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2012:

248.570.806

Cộng

248.570.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2013	01/01/2013
Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty IDICO)	4,67%	7.000.000.000	7.000.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	95,33%	143.000.000.000	143.000.000.000
Cộng	100,00%	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	15.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
Quỹ đầu tư phát triển	4.247.989.856	4.247.989.856
Quỹ dự phòng tài chính	8.436.499.730	8.436.499.730
Nguồn vốn đầu tư XDCB	11.120.427	11.120.427
Cộng	12.695.610.013	12.695.610.013

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán thành phẩm công, đá các loại	37.742.532.532	97.045.957.469
Doanh thu bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	20.258.209.168	-
Doanh thu cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	523.897.872.971	194.389.655.709
Doanh thu thu phí tỉnh lộ 16	30.723.173.636	33.247.320.909
Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	5.931.818.182
Cộng	612.621.788.307	330.614.752.269
23. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2013	Năm 2012
Hàng bán bị trả lại	27.984.400	262.210.735
Cộng	27.984.400	262.210.735
24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu thuần bán thành phẩm công, đá các loại	37.714.548.132	96.783.746.734
Doanh thu thuần bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	20.258.209.168	-
Doanh thu thuần cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	523.897.872.971	194.389.655.709
Doanh thu thuần thu phí tỉnh lộ 16	30.723.173.636	33.247.320.909
Doanh thu thuần chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	5.931.818.182
Cộng	612.593.803.907	330.352.541.534
25. Giá vốn hàng bán	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn bán công, đá các loại	28.272.102.000	72.415.720.622
Giá vốn bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	20.931.798.531	-
Giá vốn cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	464.944.030.725	177.644.190.092
Giá vốn hoạt động thu phí	12.088.196.580	10.205.474.620
Giá vốn quyền sử dụng đất	-	5.931.818.182
Cộng	526.236.127.836	266.197.203.516
26. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.321.067	134.243.565
Cổ tức, lợi nhuận được chia	360.000.000	567.767.375
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	229.981.434
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	162.685.590	39.572.590
Doanh thu hoạt động tài chính khác	548.791.500	-
Cộng	1.184.798.157	971.564.964
27. Chi phí tài chính (xem trang 32)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Chi phí tài chính	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền vay	23.291.768.209	22.329.918.875
Phí bảo tồn vốn tự có tính lộ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.053.234	277.800.909
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	434.955.539	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(358.002.642)	358.002.642
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	195.195.000
Cộng	25.510.874.456	25.169.017.542
28. Chi phí bán hàng	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên	1.587.884.803	1.855.142.294
Chi phí bảo hành	23.400.000	546.645.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.214.346.961	3.307.962.327
Chi phí bằng tiền khác	527.023.574	746.038.625
Cộng	3.352.655.338	6.455.788.352
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên	14.975.348.059	14.375.918.157
Chi phí vật liệu, bao bì	178.889.477	62.536.340
Chi phí đồ dùng văn phòng	377.413.320	365.077.427
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.412.364.017	1.583.242.869
Thuế, phí, lệ phí	26.236.663	24.250.716
Chi phí dự phòng	4.909.728.154	2.087.371.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.556.091.413	4.527.671.709
Chi phí bằng tiền khác	3.080.920.273	3.358.967.577
Cộng	29.516.991.376	26.385.036.582
30. Thu nhập khác	Năm 2013	Năm 2012
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	1.627.272.727	2.186.363.636
Hoàn phí bảo tồn vốn tính lộ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Trừ lương nhân viên vi phạm	461.526.135	363.864.803
Thu nhập khác	35.695.014	402.185.054
Cộng	4.132.593.992	4.960.513.609
31. Chi phí khác	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	2.863.221.078	2.305.529.578
Lãi trả chậm mua NVL	105.044.287	-
Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế	462.200.882	-
Chi phí từ việc chuyển giao chi phí thăm dò cho IDICO Đồng Nai	618.177.666	-
Chi phí khác	77.843.466	257.852.619
Cộng	4.126.487.379	2.563.382.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**

Năm 2013

Năm 2012

2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

29.168.059.671

9.514.191.918

- Các khoản điều chỉnh tăng

1.939.513.979

1.648.261.832

- Các khoản điều chỉnh giảm

2.299.513.979

2.216.029.207

(360.000.000)

(567.767.375)

3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)

31.107.573.650

11.162.453.750

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

6.431.313.417

2.412.168.889

5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay

-

-

6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

6.431.313.417

2.412.168.889

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Năm 2013

Năm 2012

Chi phí nhân công

298.182.246.910

243.685.384.212

Chi phí khấu hao tài sản cố định

42.294.165.340

34.320.752.943

Chi phí dịch vụ mua ngoài

34.598.437.933

34.031.431.435

Chi phí khác bằng tiền

16.177.022.153

41.178.306.550

Cộng

49.927.641.779

17.688.727.013

441.179.514.115

370.904.602.153

34. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

34.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)**Độ nhạy đối với lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND		
VND	+200	(1.016.537.231)
USD	-200	1.016.537.231
USD	+100	(3.398.395)
EUR	-100	3.398.395
EUR	+100	(37.520.359)
	-100	37.520.359
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND		
VND	+200	(4.116.243.976)
USD	-200	4.116.243.976
USD	+50	(7.660.018)
EUR	-50	7.660.018
EUR	+50	(30.815.211)
	-50	30.815.211

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD, EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Thay đổi tỷ giá EUR	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
	+1.0%	+2.0%	(78.439.114)
	-1.0%	-2.0%	78.439.114
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
	+1.5%	+5.0%	(331.132.164)
	-1.5%	-5.0%	331.132.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

34.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
31 tháng 12 năm 2013				
Dưới 90 ngày	86.243.935.794	-	7.450.281.989	-
>181 ngày	-	-	-	12.813.186.687
Cộng giá trị ghi sổ	86.243.935.794	-	7.450.281.989	12.813.186.687
Dự phòng giảm giá trị			-	8.160.380.603
Giá trị thuần	86.243.935.794	-	7.450.281.989	4.652.806.084
31 tháng 12 năm 2012				
Dưới 90 ngày	18.618.566.468	-	-	-
91-180 ngày	-	-	51.944.447.970	-
>181 ngày	-	-	21.766.315.983	7.139.290.423
Cộng giá trị ghi sổ	18.618.566.468	-	73.710.763.953	7.139.290.423
Dự phòng giảm giá trị			-	3.250.652.449
Giá trị thuần	18.618.566.468	-	73.710.763.953	3.888.637.974

34.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

34.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2013	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	126.229.765.716	73.844.784.506	-	200.074.550.222
Phải trả người bán	55.886.266.335	2.199.952.283	-	58.086.218.618
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	7.980.105.010	-	-	7.980.105.010
Cộng	190.096.137.061	76.044.736.789	-	266.140.873.850

31 tháng 12 năm 2012

Các khoản vay và nợ	195.950.763.660	32.800.924.119	-	228.751.687.779
Phải trả người bán	47.418.331.817	2.501.502.077	-	49.919.833.894
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	14.462.391.854	10.625.869.877	-	25.088.261.731
Cộng	257.831.487.331	45.928.296.073	-	303.759.783.404

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng phần lớn quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.13; V.19 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

35. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 37)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

35. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Phải thu khách hàng	106.507.404.470	8.160.380.603	99.468.620.844	3.250.652.449
- Phải thu khác	41.654.039.890	-	33.889.039.890	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	150.820.057.540	-	15.244.443.279	-
- Tài sản tài chính khác	202.000.000	-	-	202.000.000
TỔNG CỘNG	299.183.501.900	8.160.380.603	148.602.104.013	3.250.652.449
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	205.738.794.525	-	228.751.687.779	-
- Phải trả người bán	102.452.339.819	-	49.919.833.894	-
- Phải trả khác	7.411.625.339	-	24.722.324.193	-
- Nợ phải trả tài chính khác	568.479.671	-	365.937.538	-
TỔNG CỘNG	316.171.239.354	-	303.759.783.404	-
			316.171.239.354	303.759.783.404

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã chính thức thay đổi và bổ nhiệm kế toán trưởng mới theo quyết định bổ nhiệm số 07/QĐ-CTC ngày 12 tháng 02 năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm chính thức giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 12/02/2014 thay cho ông Lê Văn Vinh và là người được Công ty ủy quyền làm "Người công bố thông tin" của Công ty kể từ ngày 28/02/2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Doanh thu bán bê tông nhựa nóng, cốt, bột khoáng, dầu DO... Công ty cho mượn tiền Thi công công trình Quốc lộ 51 - gói 14 Phải trả tiền vận chuyển vật tư các loại và mua BTNN Phải trả tiền thi công các gói thầu Công trình QL51	8.779.846.205 (4.500.000.000) 1.187.368.107 (605.556.909) (92.394.663.295)	- 5.007.846.575 - - (19.633.968.797)
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	Công ty con	Công ty nhận tiền ứng trước thi công Quốc lộ 1A đường tránh T.p Biên Hoà. Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO phải trả khác Doanh thu xây dựng phát sinh trong năm	68.849.663.338 - 266.706.544.609	(72.066.367.728) (841.434) 35.495.950.516
Cty CP Khai thác và kinh doanh vật liệu XD IDICO Đồng Nai	Công ty con	Cung cấp cốt các loại, dầu và dịch vụ gia công đá	6.118.584.300	5.225.806.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Cty CP Khai thác và kinh doanh vật liệu XD IDICO Đồng Nai		Phải thu khác	9.846.776.657	34.506.153.293
		Phải trả tiền cung cấp đá	(4.566.222.604)	(3.673.444.604)
		Phải trả khác	-	-
Ông Trần Như Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập.	400.000.000	(100.000.000)
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Công ty mượn tiền	500.000.000	(500.000.000)
Ông Nguyễn Văn Khang	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập.	1.000.000	(440.000.000)
Bà Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Công ty vay tiền	18.500.000.000	(18.500.000.000)
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Cổ đông sáng lập	Công ty mượn tiền	9.605.954.000	-
		Công ty mượn tiền	19.171.976.089	(766.855.513)
		Công ty ứng trước tiền mua đất	-	14.150.793.579
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2013	Năm 2012
Thu nhập của Hội đồng quản trị		Thù lao và thưởng	532.000.000	532.607.900
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	1.500.280.000	1.175.787.500
Tổng			2.032.280.000	1.708.395.400

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2013**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổ cống, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	30.723.173.636	12.088.196.580	18.634.977.056
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	1.161.672.727	258.389.015	903.283.712
Bộ phận sản xuất cống, gổ cống	37.714.548.132	28.272.102.000	9.442.446.132
Bộ phận khai thác, gia công đá các loại	20.258.209.168	20.931.798.531	(673.589.363)
Bộ phận công trình xây lắp	515.198.321.456	457.796.718.158	57.401.603.298
Bộ phận cung cấp hàng hoá, dịch vụ	3.721.412.961	5.058.782.479	(1.337.369.518)
Bộ phận vận chuyển	3.816.465.827	1.830.141.073	1.986.324.754
Chuyển quyền sử dụng đất	-	-	-
Cộng	612.593.803.907	526.236.127.836	86.357.676.071

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổì cống, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tính lộ 16	33.247.320.909	10.205.474.620	23.041.846.289
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	36.468.829.101	33.004.204.163	3.464.624.938
Bộ phận sản xuất cống, gổì cống	96.783.746.734	72.153.509.887	24.630.236.847
Bộ phận công trình xây lắp	126.759.469.186	118.501.970.086	8.257.499.100
Bộ phận cung cấp hàng hoá, dịch vụ	28.790.366.812	25.534.174.531	3.256.192.281
Bộ phận vận chuyển	2.370.990.610	866.052.047	1.504.938.563
Chuyển quyền sử dụng đất	5.931.818.182	5.931.818.182	-
Cộng	330.352.541.534	266.197.203.516	64.155.338.018

c. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý năm 2013 và năm 2012

Công ty có một xưởng sản xuất và một trạm thu phí tọa lạc trên cùng địa bàn là tỉnh Đồng Nai, hạch toán phụ thuộc hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm dịch vụ chỉ tập trung ở tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Do đó, chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc




VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM



NGUYỄN XUÂN QUANG